

Ngày 30/06/2025	10,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-4.5%	0.9%	30.0%

	Q2/25	
ROE	9.3%	+/- YoY ▲ 2.7%

	Q2/25		
DT thuần	182	QoQ ▲ 31.0	YoY ▲ 35.0
		▲ 20.2%	▲ 23.5%
	tỷ VNĐ		

	6T 2025	
DT thuần	333	YoY ▲ 61.0
		▲ 22.5%
	tỷ VNĐ	

	Q2/25		
LN gộp	52.6	QoQ ▲ 15.9	YoY ▲ 13.8
		▲ 43.2%	▲ 35.5%
	tỷ VNĐ		

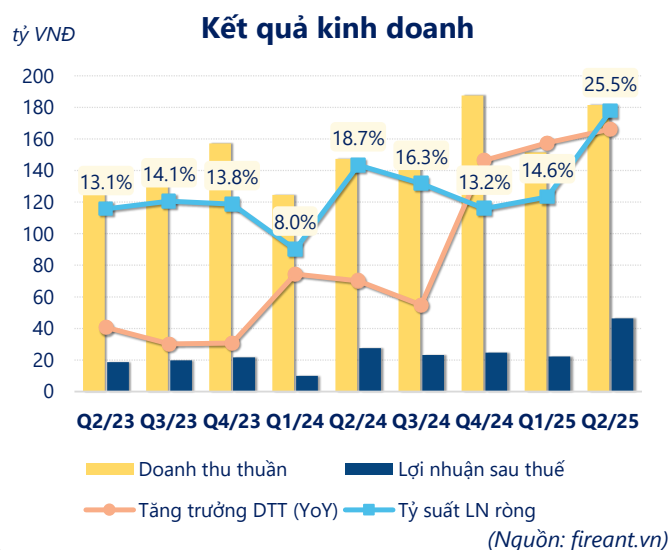
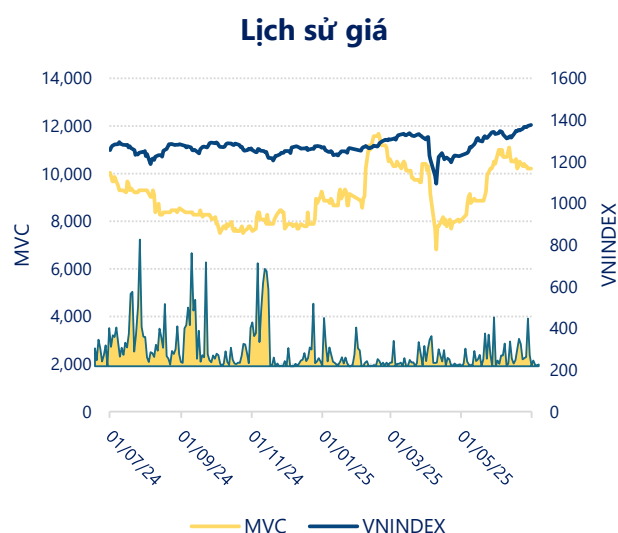
	6T 2025	
LN gộp	89.3	YoY ▲ 30.3
		▲ 51.3%
	tỷ VNĐ	

	Q2/25		
LN thuần	53.6	QoQ ▲ 27.7	YoY ▲ 21.5
		▲ 107%	▲ 67.0%
	tỷ VNĐ		

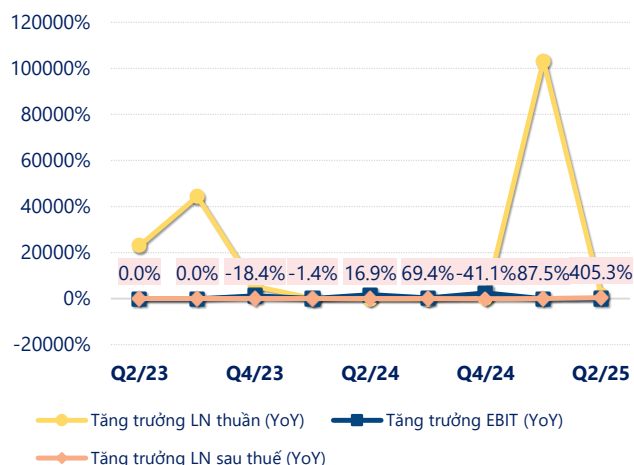
	6T 2025	
LN thuần	79.5	YoY ▲ 35.3
		▲ 79.8%
	tỷ VNĐ	

	Q2/25		
LN sau thuế	46.4	QoQ ▲ 24.2	YoY ▲ 18.9
		▲ 109%	▲ 68.6%
	tỷ VNĐ		

	6T 2025	
LN sau thuế	68.5	YoY ▲ 31.0
		▲ 82.8%
	tỷ VNĐ	

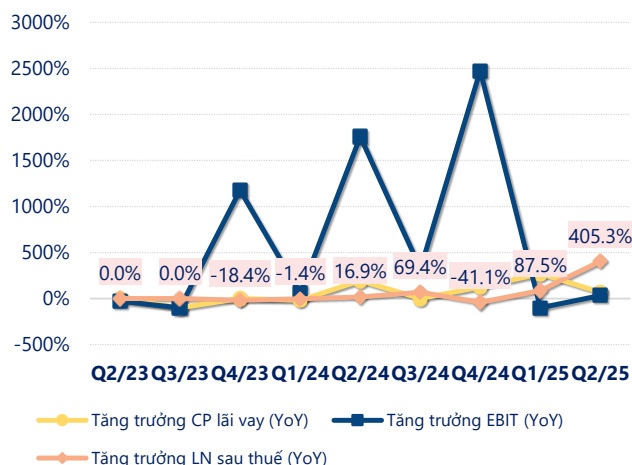


Tăng trưởng lợi nhuận



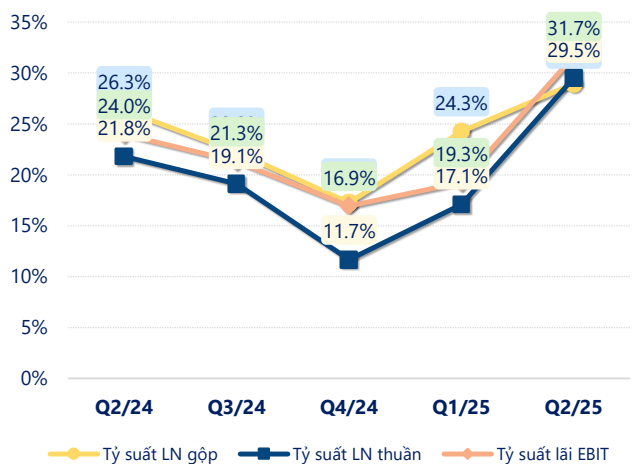
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



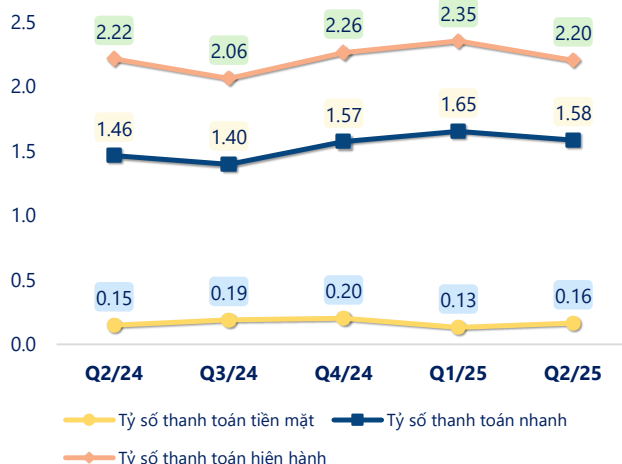
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



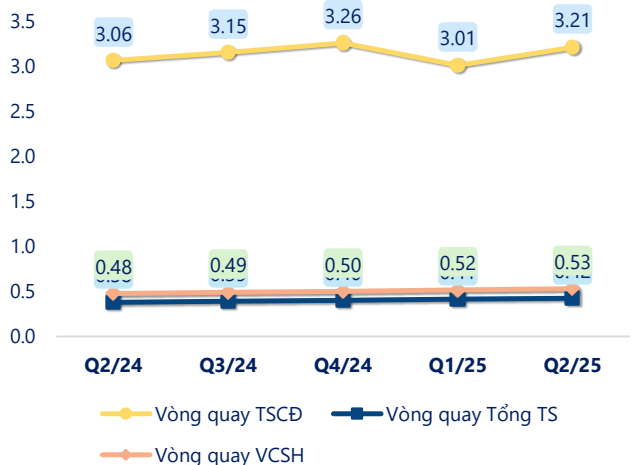
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



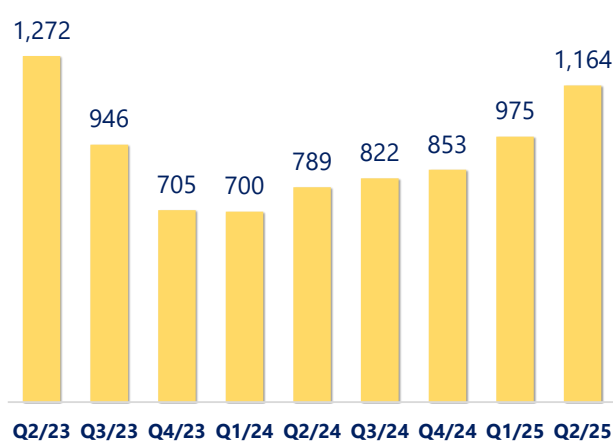
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	182	147	23.5%	333	272	22.5%
Giá vốn hàng bán	129	109	18.3%	244	213	14.5%
Lợi nhuận gộp	52.6	38.8	35.5%	89.3	59.0	51.3%
Doanh thu HĐTC	3.74	3.29	13.8%	6.98	7.19	-2.8%
Chi phí TC	2.89	3.21	-10.0%	9.48	6.32	49.9%
Chi phí lãi vay	3.33	3.21	3.8%	6.45	6.32	2.0%
LN trong công ty LKLD	15.9	9.47	68.1%	23.5	11.5	104%
Chi phí bán hàng	7.18	7.00	2.5%	14.2	10.4	36.2%
Chi phí QLDN	8.56	9.20	-7.0%	16.6	16.8	-1.1%
LN thuần từ HĐKD	53.6	32.1	67.0%	79.5	44.2	79.8%
Lợi nhuận khác	0.54	-0.01	5503%	0.71	-0.06	1369%
LN trước thuế	54.1	32.1	68.7%	80.2	44.1	81.7%
Lợi nhuận sau thuế	46.4	27.5	68.6%	68.5	37.5	82.8%
LNST của CĐ cty mẹ	46.4	27.5	68.6%	68.5	37.5	82.8%

(Nguồn: fireant.vn)

